

Số: 162 /BC-STNMT

Điện Biên, ngày 11 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Về việc giải trình ý kiến tham gia của thành viên Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản tại điểm mỏ vàng bản Háng Trợ, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên

Thực hiện chỉ đạo và ủy quyền của đồng chí Lê Thành Đô - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ngày 26/6/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực Hội đồng) đã tổ chức phiên họp Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ vàng bản Háng Trợ, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Sau khi tổng hợp, chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản tại điểm mỏ vàng bản Háng Trợ, xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, Sở Tài nguyên và môi trường báo cáo giải trình các nội dung cụ thể như sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Nội dung giải trình
1	<i>Bà Lê Thị Lương - Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường, Sở Công thương - Ủy viên phản biện</i>	
1.1	- Phần 2.1 Mục đích (trang 6) “Mới chỉ thực hiện khai thác lộ thiên” Mâu thuẫn với nội dung. “Áp dụng phương án cải tạo khu vực khai thác hầm lò”	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo
1.2	- Rà soát lại các số liệu về khối lượng các hạng mục công trình cho chính xác và thống nhất giữa các phần.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung trong toàn báo cáo
1.3	- Mặt bằng bãi tập kết quặng của lò (trang 5) 2.200 m2. Trong phần 2.2 Nhiệm vụ (trang 6) là 3.200 m2.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo
1.4	- Phần 2.1 Mục đích trang 6 bảng khối lượng các hạng mục công trình chưa thấy đề cập đến khối lượng các đường lò khai thác.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 6 của báo cáo
1.5	* Chương I. Đặc điểm địa lý tự nhiên- kinh tế nhân văn. - Phần 1.1 Đặc điểm địa lý (trang 8) đề nghị mô tả vị	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 8 của báo cáo

	trí địa lý tọa độ, ranh giới của địa điểm thực hiện dự án đóng của mỏ.(bao gồm cả khu bãi thải, mặt bằng tập kết, khu khai thác mỏ,hồ chứa nước thải... theo như phần 2.1	
1.6	* Chương II. Hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ. - Phần 2.6 Lý do đóng cửa mỏ (trang 24) yêu cầu bổ xung nội dung đóng cửa mỏ để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (vì đây là dự án đóng cửa mỏ một phần cần phải có biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 27 của báo cáo
1.7	- Chưa đánh giá được phần hiện trạng mỏ	Đơn vị đã bổ sung phần đánh giá tại trang 26 của báo cáo
1.8	- Cần đánh giá chi tiết các mối nguy cơ có thể xảy ra khi chưa thực hiện đóng cửa mỏ như khăn năng trượt lở, xói mòn... để làm cơ sở đưa ra phương pháp cải tạo môi trường cho phù hợp.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 24, 25 của báo cáo
1.9	- Nội dung chương này đơn vị tư vấn cần xây dựng được bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ các mặt cắt địa chất, địa hình các khu vực để làm cơ sở tính toán khối lượng thực hiện trong trương III.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại các bản vẽ phụ lục của báo cáo
1.10	Chương III: Phương pháp, khối lượng công tác đóng cửa mỏ - Phần 2.1.2 Đối với khai thác hầm lò. (trang27) đơn vị nêu ra khối lượng tổng chiều dài các đường lò đã đào khoảng 80 m là chưa có căn cứ. theo công văn giải trình số 55/ CV- CT ngày 4/8/ 2015 của công ty CP công nghiệp Molybden tỉnh điện biên về việc giải trình việc sử dụng VLNCN 6 tháng đầu năm 2015 tại mỏ vàng bản Háng Trọ thì tính hết ngày 30/ 7 /2015 đã đào 738m/ 5 lò, 30 m giếng thăm dò.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 6, 30, 31 của báo cáo
1.11	- Bảng 2.4 khối lượng các đường lò chuẩn bị có tổng chiều dài là 255m. đề nghị đơn vị tư vấn phải căn cứ vào hiện trạng để đưa ra số liệu cho thích hợp.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 14 của báo cáo
1.12	- Chương IV Dự toán kinh phí. Phần 1.2.1 Chi phí cải tạo phục hồi môi trường khu vực mong khai thác trang 34 đơn vị đánh giá là đất đá thải được giữ lại để tiến hành cải tạo cho các khu vực khai thác khi kết thúc khai thác. từ đó tính chi phí mua	Khu vực mong khai thác thực tế không cần mua đất màu, đơn vị đã bổ sung phần khối lượng đất bóc thải hàng năm của mỏ khoảng 23.000m ³ (trang 21), tại thời điểm đóng cửa mỏ, khối

	đất lấp đầy bằng 0 là chưa chính xác. Vì đất đá thải chỉ có thể sử dụng để san gạt đáy moong khai thác, lấp kín hầm lò, nhưng không thể trồng cây trực tiếp trên đất đá thải. vì vậy cần tính đất màu phủ 0.4 m để mua	lượng đất thải có khoảng 161.000m ³ (trang 18), nhu cầu đất cho công tác đóng cửa mỏ: 119.831,5 m ³ (trang 49)
1.13	- Nguồn kinh phí ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của công ty CP công nghiệp Molybden là 465,1 triệu chứ không phải là 300 triệu.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 50 của báo cáo
1.14	- Đề nghị đơn vị tư vấn giải trình nguồn vốn từ nguồn sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách tỉnh: 4.079.819.000 đồng mà đề án lập, để thực hiện đề án đóng cửa mỏ (đây là đề án mà chủ đầu tư đã giải thể: Việc sử dụng ngân sách nhà nước, cần phải có văn bản cho chủ trương của UBND tỉnh được sử dụng nguồn vốn từ nguồn nào để thực hiện lập đề án);	Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt đề án kèm theo dự toán, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách năm 2019 để đơn vị thực hiện là 3.509.441.000 đồng
1.15	- Chi phí tư vấn lập đề án thực hiện theo Quyết định số 79/QĐ – BXD ngày 15/02/2017 Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn xây dựng.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần dự toán tư vấn lập đề án đóng cửa mỏ
1.16	- Bản sao quyết định phê duyệt/ xác nhận đề án bảo vệ môi trường: giấy phép khai thác khoáng sản, phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản của dự án khai thác, chế biến quặng vàng tại mỏ Háng Trọ Phi Nhừ huyện Điện Biên Đông. - Bản Sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở quyết định thiết kế mỏ	Đơn vị đã bổ sung
1.17	- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại các bản vẽ phần phụ lục của báo cáo
1.18	- Các số liệu liên quan đến chất lượng hàm lượng, thành phần khoáng vật, hóa học, cơ lý... của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ.(moong khai thác, hầm lò, đường chợ...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.	Đơn vị đã bổ sung bản vẽ lấy mẫu, số liệu liên quan đến chất lượng, hàm lượng, thành phần khoáng vật, hóa học, cơ lý của khoáng sản tại phần phụ lục của báo cáo
1.19	Cần đo vẽ hiện trạng thành lập bản đồ hiện trạng mới.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại các bản vẽ phần phụ lục của báo cáo
1.20	ĐVTV cần lưu ý đối tượng thực hiện đề án là Sở tài nguyên và Môi trường, không phải là CT CP	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung trong toàn báo cáo

	Molybden.	
2	Ông Đinh Văn Tuyên - Phó Trưởng phòng Kinh tế xây dựng tổng hợp, Sở Xây dựng - Ủy viên phản biện Hội đồng	
2.1	- Trang 4: Bổ sung luật xây dựng năm 2014	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 4 của báo cáo
2.2	- Chương IV: “Dự toán kinh phí” Trang 33 bổ sung. Nghị định 32/2015/NĐ – CP ngày 25/3/2015 của chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Quyết định 1329/2016/Q Đ-BXD ngày 19/12/2016 về công bố định mức về dựng vật liệu xây dựng; Quyết định số 06/2012/QĐ – UBND ngày 30/3/2012 của UBND tỉnh Điện Biên Về cước vận tải hàng hóa; Quyết định 130/3/2012/Q Đ-SXD ngày 16/2/2017 của Sở xây dựng về công bố đơn giá xây dựng.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 37, 38 của báo cáo
2.3	- Bộ văn bản số 136/CB–SXD ngày 05/4/2012 (đã hết hiệu lực);	Đơn vị đã chỉnh sửa trong báo cáo
2.4	- Xem lại hệ số lương công nhân và mức lương đầu vào tại trang 36.	Mức lương cơ bản vùng, đơn vị tính dựa theo thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng và Văn bản 421/SXD-KTXDTH ngày 05/5/2016 của Sở Xây dựng về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, theo đó đối với khu vực huyện Điện Biên Đông thuộc vùng IV, do đó mức lương áp dụng là 2.050.000 đồng/tháng.
2.5	- Đề nghị bổ xung Quyết định số 79/2017 / QĐ - BXD ngày 15/ 02/ 2017 về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, thông tư 05/ 2016/ TT- BXD ngày 20/ 3/ 2016 của bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 4, 5 của báo cáo
2.6	- Bộ nghị định 153/ 2016 ND- CP không đưa vào làm căn cứ xác định lập dự toán.	Đơn vị đã chỉnh sửa trong báo cáo
2.7	Chỉnh sửa lại công thức tính toán chi phí tư vấn.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần dự toán tư vấn lập đề án đóng cửa mỏ
3	Ông Trần Khoa Phương - Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát	

<i>triển nông thôn - Ủy viên phản biện Hội đồng</i>		
3.1	- Điều chỉnh, bổ sung loài cây trồng rừng theo đúng phương thức trồng rừng hỗn loài để khôi phục thảm thực vật theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được UBND huyện Điện Biên Đông phê duyệt tại Quyết định số 1666/QĐ – UBND ngày 2/8/2011.	Đơn vị đã chỉnh sửa loại cây trồng (sa mộc + vối thuốc) tại các trang 7, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 40, 42, 45, 48, 58 của báo cáo
3.2	- Một số định mức trong trồng rừng và chăm sóc rừng áp dụng chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 38/2005/QĐ–BNN ngày 6/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tách riêng chi phí trồng, chăm sóc rừng.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 40 của báo cáo
3.3	- Nên xem xét bố trí trồng sa mộc + vối thuốc thay cây keo;	Đơn vị đã chỉnh sửa loại cây trồng (sa mộc + vối thuốc) tại các trang 7, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 40, 42, 45, 48, 58 của báo cáo
3.4	- Phần kinh phí còn lại sau khi sử dụng tính toán nguồn ký quỹ của dự án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 50 của báo cáo
3.5	- Bổ sung cơ sở để đánh giá được rõ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ trước khi lập đề án đóng cửa mỏ để xác định hạng mục, khối lượng đề án được chính xác thuyết phục.	Đơn vị đã bổ sung đánh giá hiện trạng mỏ tại trang 26 của báo cáo (khối lượng hạng mục công trình được đo trên cơ sở hiện trạng thực tế khu vực thời điểm lập báo cáo đề án đóng cửa mỏ - trang 5)
3.6	+ Mục 2: Đề nghị tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 26, 27 và phần bản vẽ phụ lục của báo cáo.
3.7	+ Vì đây là dự án đóng cửa mỏ một phần cần phải có biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Yêu cầu bổ xung nội dung đóng cửa mỏ để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại Phần 2.6 Lý do đóng cửa mỏ (trang 24).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 27 của báo cáo.
3.8	+ Chưa thống nhất diện tích san gạt, đổ đất trồng cây keo trên mặt bằng bãi tập kết quặng cửa lò (Tại trang 5 diện tích là 2.200 m2 và trang 6, mục 2.2 diện tích là 3.200 m2).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo.
3.9	- Trang 30, mục 2.7 yêu cầu xác định rõ chiều cao san	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung chiều sâu

	gạt của các hồ chứa nước thải. Diễn giải cách tính số lượng cây keo, bổ sung nội dung nạo vét khơi thông dòng chảy và cách tính toán khối lượng nội dung này.	trung bình của hồ nước thải tại trang 33 của báo cáo; bổ sung nội dung nạo vét khơi thông dòng chảy tại trang 28, 29, 33 của báo cáo
3.10	+ Chưa thành lập bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mô, các mặt cắt địa chất, địa hình các khu vực để làm cơ sở tính toán khối lượng thực hiện.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần bản vẽ phụ lục của báo cáo.
3.11	+ Chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 4, 5, 37, 38 của báo cáo
3.12	- Cần đánh giá chi tiết các mối nguy cơ có thể xảy ra khi chưa thực hiện đóng cửa mô như khả năng trượt lở, xói mòn... để làm cơ sở đưa ra phương pháp cải tạo môi trường cho phù hợp.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung phần đánh giá trang 24, 25 của báo cáo
4	Ông Nguyễn Đăng Nam - Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên Hội đồng	
4.1	Rà soát lại số liệu hiện trạng khu đất, bổ sung bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm thực hiện lập đề án đóng cửa mô và hệ thống bản đồ, bản vẽ theo quy định tại thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 qua đó xác định cụ thể khối lượng cần thực hiện.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần bản vẽ phụ lục của báo cáo.
5	Bà Trần Thị Thanh Phượng - Chi cục Trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên Hội đồng	
5.1	- Thống nhất diện tích mô trong toàn bộ đề án (20 ha, 32,78 ha..)	Diện tích khu vực mô được cấp phép 20ha, diện tích khu vực mô đã khai thác và các khu phụ trợ, bãi thải, hồ chứa nước thải,... cần cải tạo đóng cửa mô là 33,7269 ha.
5.2	- Tại mục 2.2 (trang 6): Đề nghị xem lại diện tích san gạt, đổ đất trồng cây keo trên mặt bằng bãi tập kết quặng cửa lò diện tích 3.200m ² (trong bảng hạng mục là 2.200m ²).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo.
5.3	- Trang 7: Nêu rõ căn cứ tính toán khối lượng, thể tích của các hồ chứa nước thải 1,2,3.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung: Khối lượng hạng mục công trình được đo trên cơ sở hiện trạng thực tế khu vực thời điểm lập báo cáo đề án đóng cửa mô - Trang 5 của báo cáo
5.4	- Đề nghị rà soát chỉnh sửa đơn vị tính toán cho phù hợp (tháo mái tôn, tháo dỡ trần..).	Bỏ phần tháo dỡ, do hiện trạng khu vực mô không còn nhà xưởng

5.5	- Mục 1.2.4. xem xét lại chiều sâu của hồ chứa nước thải để tính toán khối lượng đất cần san gạt cho phù hợp.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung chiều sâu trung bình của hồ nước thải tại trang 33 của báo cáo
5.6	- Bổ sung chi phí cày gỡ đá treo, băm bách taluy khu vực chưa khai thác theo đúng nội dung phương án đề ra.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 33, 48, 49 của báo cáo
5.7	- Trang 46: Nêu rõ chi phí lập đề án đóng cửa mỏ và chi phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ.	Chi phí thể hiện chi tiết tại các bảng 4.17, 4.18, 4.19 của báo cáo
5.8	- Chỉnh sửa nguồn kinh phí ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường là 465.100.000đ (tại Quỹ BVMT Việt Nam năm 2009 là 250.000.000đ; Tại Quỹ BVMT tỉnh Điện Biên năm 2011 là 215.100.000đ).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 50 của báo cáo
5.9	- Phụ lục: Bổ sung các tài liệu liên quan theo Nghị định tại thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường cụ thể: + Bản sao Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường bổ sung; dự án cải tạo, phục hồi môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của dự án. + Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt thiết kế mỏ. + Quyết định gia đất, hợp đồng thuê đất. + Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn Đoàn địa chất 306.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần phụ lục của báo cáo
6	<i>Bà Đặng Thị Hồng Loan - Trưởng phòng Tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên Hội đồng</i>	
6.1	- Mục 1: Bổ sung các báo cáo các định kỳ khai thác hoạt động khoáng sản qua các năm; Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ xây dựng về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phụ lục của báo cáo của báo cáo
6.2	- Mục 2: Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 26, 27 của báo cáo
6.3	- Chương II: Mục 1.3.2: Khối lượng mỏ đã thực hiện: Nêu rõ các khoáng sản đi kèm (đất đá bóc, đá bãi	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang

	thải...) theo từng năm khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đến khi đóng cửa mỏ, làm rõ hệ thống tồn thất, làm nghèo khoáng sản hàng năm, sự tăng giảm của hệ số tồn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã được duyệt.	18, 19 của báo cáo
1.4	- Mục 1.3.2 Đề nghị bổ sung vị trí, tổng khối lượng đất đá của bãi thải	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 18, 21 của báo cáo
1.5	- Mục 2.1. Cấu tạo địa chất khu mỏ bổ sung đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sự cố môi trường trong quá trình khai thác.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 24, 25 của báo cáo
1.6	- Mục 1.1.2 (trang 25-26) đề nghị bổ sung kinh phí thực hiện nạo vét, khơi thông dòng chảy.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 28, 29, 33 của báo cáo
1.7	+ Việc sử dụng đất màu để san gạt, trồng cây là không phù hợp với địa hình thực tế của khu vực đóng cửa mỏ.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung cân đối đào đắp tại chỗ, lấy đất thải khai thác để trồng cây.
7	Ông Ngô Xuân Bình - Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên Hội đồng	
7.1	- Tại trang 6, mục 2.2: Số liệu chưa trùng khớp với bảng khối lượng tại trang 5 (tổng diện tích là 3.200m ² , số liệu tại trang 5 là 2.200m ²) đề nghị chỉnh sửa.	Đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo
7.2	- Trang 24, mục 2.5: Bổ sung đánh giá hiện trạng moong khai thác, khu vực bãi thải, hồ chứa nước thải. Để làm cơ sở tính toán khối lượng và dự toán đóng cửa mỏ.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 26 của báo cáo
7.3	- Trang 25, mục 1.1.1 và mục 1.12 chỉnh sửa các hạng mục: San gạt toàn bộ mặt bằng tập kết quặng khoáng sản 30.592m ² thành san gạt toàn bộ mặt bằng khu chứa quặng nguyên khai có khối lượng 30.592m ² cho phù hợp với bảng khối lượng trang 5; bổ sung diện tích phụ trợ là bao nhiêu m ² , trồng cây gì tại bãi thải tổng diện tích 181.521m ² .	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 30, 31 của báo cáo
7.4	- Trang 26: Đánh giá cụ thể việc mang lại hiệu quả kinh tế như thế nào.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 29, 30 của báo cáo
7.5	- Trang 29, mục 2.5.1 tính toán lại khối lượng đất phủ và số lượng cây xanh cho phù hợp với bảng 3.7. Tổng hợp các khối lượng hoàn thổ phục hồi môi trường khu bãi thải. Đang bị nhầm số liệu của mục 2.4 khu bãi	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 32, 33 của báo cáo

	thải.	
7.6	- Trang 30, mục 2.7. Xác định rõ chiều cao san gạt của các hồ chứa nước thải. Diễn giải cách tính số lượng cây keo, bổ sung nội dung nạo vét khơi thông dòng chảy và cách tính toán khối lượng nội dung này.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung chiều sâu trung bình của hồ nước thải, cách tính số lượng cây keo tại trang 33, 34 của báo cáo
7.7	- Bổ sung Quyết định số 79/QĐ – BXD ngày 15/2/2017 của Bộ xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 5 của báo cáo
7.8	- Xác định rõ việc xác định đơn giá tại STT 3,4 bảng 4.17. Tổng hợp chi phí tư vấn lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo văn bản hướng dẫn nào ?.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại phần dự toán tư vấn lập đề án đóng cửa mỏ
8	Ông Nguyễn Xuân Tiến - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông - Ủy viên Hội đồng	
8.1	- Làm rõ nội dung đồ đất phủ dày 0,4m, bao gồm cả vị trí, xúc bốc, vận chuyển.	Báo cáo đã chỉnh sửa, tại các hạng mục: đồ đất phủ dày 0,4m, đất phủ được vận chuyển cân đối đào đắp tại chỗ, dùng đất đá thải giai đoạn khai thác để san gạt
8.2	- Làm rõ tổ chức tổ chức, cá nhân thực hiện chăm sóc, bảo vệ cây trồng từ khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoàn thành đề án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 29, 30 của báo cáo
8.3	- Thuyết minh làm rõ thêm việc phục hồi khu vực phụ cận.	Khu vực cải tạo phục hồi phụ cận: Dòng chảy liền kề hang Háng Trọ xã Phi Nhù.
9	Ông Nguyễn Thành Trung - Trưởng phòng khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường - Ủy viên thư ký	
9.1	Mục 2: Đề nghị tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 26, 27 của báo cáo
9.2	Vì đây là dự án đóng cửa mỏ một phần cần phải có biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Yêu cầu bổ xung nội dung đóng cửa mỏ để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại Phần 2.6 Lý do đóng cửa mỏ (trang 24).	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 27 của báo cáo
9.3	Chưa thống nhất diện tích san gạt, đồ đất trồng cây keo trên mặt bằng bãi tập kết quặng cửa lò (Tại trang 5 diện tích là 2.200 m ² và trang 6, mục 2.2 diện tích là	Đã chỉnh sửa bổ sung tại trang 7 của báo cáo

	3.200 m2).	
9.4	Trang 30, mục 2.7 yêu cầu xác định rõ chiều cao san gạt của các hồ chứa nước thải. Diễn giải cách tính số lượng cây keo, bổ sung nội dung nạo vét khơi thông dòng chảy và cách tính toán khối lượng nội dung này.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung chiều sâu trung bình của hồ nước thải, cách tính số lượng cây keo tại trang 33, 34 của báo cáo
9.5	Chưa thành lập bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ, các mặt cắt địa chất, địa hình các khu vực để làm cơ sở tính toán khối lượng thực hiện.	Đã bổ sung
9.6	Chưa cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan	Đã rà soát cập nhật, bổ sung
9.7	Cần đánh giá chi tiết các mối nguy cơ có thể xảy ra khi chưa thực hiện đóng cửa mỏ như khả năng trượt lở, xói mòn... để làm cơ sở đưa ra phương pháp cải tạo môi trường cho phù hợp.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung phần đánh giá trang 24, 25 của báo cáo
10	Ý kiến kết luận của Ông Bùi Châu Tuấn - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Phó Chủ tịch Hội đồng.	
	Yêu cầu đơn vị tư vấn tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung tất cả các ý kiến tham gia của các thành viên; bỏ phần chi phí vận chuyển đất màu để san gạt, trồng cây, vì thực tế trong khu vực mỏ có đất chỉ cần tiến hành san gạt từ khu vực cao về khu vực thấp; rà soát định mức, đơn giá thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định hiện hành; chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ các sơ đồ, bản vẽ theo quy định; giao Trường phòng Khoáng sản kiểm tra việc tiếp thu, chỉnh sửa Đề án.	Đơn vị đã chỉnh sửa bổ sung trong toàn báo cáo

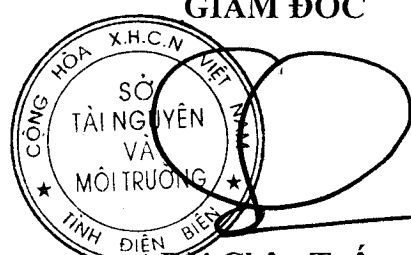
Trên đây là nội dung giải trình ý kiến tham gia của của thành viên Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản tại điểm mỏ vàng bản Háng Trọ, xã Phi Nhù, huyện Điện Biên Đông của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Đ/c Lê Thành Đô-Chủ tịch Hội đồng;
- Lãnh đạo Sở;
- Thành viên Hội đồng;
- Lưu: VT, KS.



GIÁM ĐỐC



Bùi Châu Tuấn